

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2232/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 5041/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Ngọc P, sinh năm: 1974

Địa chỉ: đường G, khu phố H, phường P, thành phố T, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1971

Địa chỉ: đường G, khu phố H, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Dương Ngọc P có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Thanh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Ngọc P trình bày: Bà và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 ngày 20/9/1994.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà P thường phát sinh mâu thuẫn do ông D sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, đánh đập và xúc phạm bà P nhiều lần, bà P đã cố gắng chịu đựng để các con trưởng thành. Bà P và ông D đã ly thân 02 năm nay, trong thời gian ly thân ông D cũng không sửa đổi, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: bà P và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Dương Hoàng T sinh năm 1995 và Nguyễn Dương Hoàng L sinh năm 2002 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Dương Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D; Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Ngọc P nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh D, ông D cư trú tại phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh D.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Phượng và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyền số 01 ngày 20/9/1994 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D là hợp pháp.

Theo lời khai của bà P thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà P thường phát sinh mâu thuẫn do ông D sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, đánh đập và xúc phạm bà P nhiều lần. Bà P đã cố gắng chịu đựng để các con trưởng thành. Bà P và ông D đã ly thân 02 năm nay, trong thời gian ly thân ông D cũng không sửa đổi, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Ông Nguyễn Thanh D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng bà P và ông D không còn chung sống với nhau và không còn tình cảm với nhau, không còn sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: bà P và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Dương Hoàng T sinh năm 1995 và Nguyễn Dương Hoàng L sinh năm 2002 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Dương Ngọc P phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

- Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Dương Hoàng T sinh năm 1995 và Nguyễn Dương Hoàng L sinh năm 2002 đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Dương Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà P đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0047413 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. bà P đã nộp đủ án phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 ngày 20/9/1994 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Thanh D và bà Dương Ngọc P không còn giá trị pháp lý.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND cấp GCNKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Hiếu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tâm

Trần Đăng Vạn

Lương Minh Hiếu

